

Số: 36/QĐ-HL

Đông Gia Nghĩa, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2025
Trường MN Hoa Lan

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN HOA LAN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của Ủy ban nhân dân Phường Đông Gia Nghĩa về việc thu hồi dự toán và bổ sung kinh phí năm 2025;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường MN Hoa Lan (Có biểu đính kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các bộ phận, cá nhân liên quan thuộc trường MN Hoa Lan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website
- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Hà Thị Phương Nga

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Lan

Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**Năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ- HL ngày 26/12/2025 của Trường Mầm non Hoa Lan)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính : Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(50.703.000)
I	Nguồn ngân sách trong nước	(50.703.000)
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	(50.703.000)
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	(50.703.000)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Số: 1151 /QĐ-UBND

Đông Gia Nghĩa, ngày 18 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi dự toán và bổ sung kinh phí năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG GIA NGHĨA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND phường Đông Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 20/9/2025 của UBND phường Đông Gia Nghĩa về việc bổ sung kinh phí có mục tiêu cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 234-TB/ĐU ngày 15/11/2025 của Đảng ủy phường Đông Gia Nghĩa về ý kiến chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy tại cuộc họp giao ban ngày 15/12/2025;

Căn cứ Công văn số 65/HĐND-VP ngày 16/12/2025 của Thường trực HĐND phường Đông Gia Nghĩa về việc cho ý kiến thu hồi và bổ sung kinh phí năm 2025;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đông Gia Nghĩa tại Tờ trình số 344/TTr-KTHT&ĐT ngày 17 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi và bổ sung kinh phí năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phường cụ thể như sau:

1. Thu hồi kinh phí không còn nhu cầu sử dụng của các cơ quan, đơn vị và trường học trên địa bàn phường Đông Gia Nghĩa với tổng số tiền là **1.055.125.470 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng), cụ thể:

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Bổ sung, hỗ trợ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị và trường học trên địa bàn phường Đông Gia Nghĩa **612.129.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu trăm mười hai triệu, một trăm hai mươi chín nghìn đồng chẵn), cụ thể:

(Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm).

* Nguồn kinh phí bố trí: Từ nguồn thu hồi kinh phí không còn nhu cầu sử dụng của các cơ quan, đơn vị và trường học tại mục 1.

Điều 2. Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thông báo thu hồi và lập thủ tục cấp phát kinh phí cho các trường học trên địa bàn phường. Thủ trưởng các đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định tài chính hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Chánh Văn phòng Đảng ủy phường; Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp; Hiệu trưởng các trường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND phường (b/cáo);
- KBNN khu vực XVI - Phòng GD số 5;
- CT, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT (Ngọc).



CHỦ TỊCH

Thạch Cảnh Tịnh



PHỤ LỤC SỐ 01
THỦ TỤC TIỀN LƯƠNG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TRƯỜNG HỌC
 (Kèm theo Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của
 UBND phường Đông Gia Nghĩa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền thu hồi	Ghi chú
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	156.224.000	
	Các khoản lương, tính chất lương	49.484.000	Lương tháng 9;10;11 đ/c Quản Thị Ngọc nghỉ việc chế độ 178/NĐ-CP
	Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 và Nghị quyết số 02/2024/NQ- HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	5.240.000	Hộ GD bà Hoàng Thị Trường, TDP 2 không đến nhận
	Kinh phí thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024	101.500.000	
2	Trường Mầm non Hòa Mi (071)	61.468.000	
	Miễn giảm, cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	16.725.000	NĐ số 81/2021/NĐ-CP hết hiệu lực
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND	12.900.000	Giảm học sinh đề nghị hưởng chế độ
	Hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP	1.200.000	Giảm học sinh đề nghị hưởng chế độ
	Kinh phí thực hiện hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ)	30.643.000	Không có nhu cầu hợp đồng năm học 2025-2026
3	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn	54.000.000	
3.1	Sự nghiệp Tiểu học (072)	28.050.000	
	Miễn giảm, cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	25.350.000	NĐ81/2021/NĐ-CP hết hiệu lực
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND	2.700.000	Giảm học sinh đề nghị hưởng chế độ
3.2	Sự nghiệp Trung học cơ sở (073)	25.950.000	
	Miễn giảm, cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	21.000.000	NĐ81/2021/NĐ-CP hết hiệu lực

	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND	4.950.000	Giảm học sinh đề nghị hưởng chế độ
4	Phòng Văn hóa - Xã hội	98.280.000	
	Phụ cấp cộng tác viên xã hội	25.740.000	Không còn đội này nữa
	Phụ cấp đội tình nguyện xã hội	72.540.000	Không còn đội này nữa
5	Trường tiểu học Thăng Long	86.514.000	
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	4.500.000	NĐ81/2021/NĐ-CP hết hiệu lực
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND	5.400.000	Giảm học sinh đề nghị hưởng chế độ
	Kinh phí thực hiện hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ)	76.614.000	Kỳ 2 năm học 2024-2025 không hợp đồng đủ giáo viên
6	Trường THCS Phan Bội Châu	14.250.000	
	Miễn giảm, cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	1.500.000	NĐ81/2021/NĐ-CP hết hiệu lực
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND	12.750.000	Giảm học sinh đề nghị hưởng chế độ
7	Trường Tiểu học Tô Hiệu	198.618.000	
	Miễn giảm, cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	15.000.000	NĐ81/2021/NĐ-CP hết hiệu lực
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND	25.350.000	Giảm học sinh đề nghị hưởng chế độ
	Kinh phí thực hiện hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ)	122.568.000	Nhà trường vẫn đăng tin nhu cầu tìm giáo viên hợp đồng cho năm học 2025-2026 (nhà trường được giao chỉ tiêu 03 hợp đồng nhưng hiện tại mới chỉ hợp đồng được 01 giáo viên)
	Kinh phí học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật	35.700.000	Nhà trường không có đối tượng được hưởng theo quy định
8	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	2.000.000	
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND	2.000.000	Giảm học sinh đề nghị hưởng chế độ

9	Trường Mầm non Hoa Lan (071)	50.703.000	
	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ	6.560.000	
	Kinh phí Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông	6.750.000	Không có học sinh hưởng chế độ
	Kinh phí thực hiện hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ)	30.643.000	Không có nhu cầu hợp đồng năm học 2025-2026
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	6.750.000	NĐ số 81/2021/NĐ-CP hết hiệu lực
10	Trung Tâm Dịch vụ tổng hợp (Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cũ) phường	15.755.400	
	Lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương	15.755.400	
11	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (072)	98.705.000	
	Hỗ trợ tiền tết Nguyên đán cho các đối tượng theo Nghị quyết 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh	500.000	
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	13.500.000	NĐ số 81/2021/NĐ-CP hết hiệu lực
	Kinh phí Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông	8.100.000	Không có học sinh hưởng chế độ
	Kinh phí thực hiện hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ)	76.605.000	Năm học 2025-2026 hợp đồng 1 giáo viên
12	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường	79.956.070	
	Lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương	49.212.070	Lương tháng 9;10;11 đ/c Ksrai nghị việc chế độ 178/NĐ-CP
	Phụ cấp không chuyên trách	30.744.000	Kinh phí thừa
13	Văn phòng Đảng uỷ phường Đông Gia Nghĩa	44.852.000	
	Kinh phí tiền lương, các khoản đóng góp theo lương tháng 10,11,12/2025 của biên chế giảm	37.832.000	QĐ số 47-QĐ/ĐU ngày 16/10/2025 của Đảng uỷ giảm 01 biên chế so với biên chế có mặt giao đầu năm 2025

	Phụ cấp và công tác phí cho lực lượng cốt cán theo Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 tính Đắc Nông	7.020.000	Kinh phí thừa
14	Văn phòng HĐND và UBND phường Đông Gia Nghĩa	93.800.000	
	Kinh phí thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024	93.800.000	
	Tổng cộng	1.055.125.470	

PHỤ LỤC SỐ 02
BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2025

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của
UBND phường Đông Gia Nghĩa)*

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Bổ sung	Ghi chú
1	Trường Mầm non Họa Mi (071)	9.622.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	4.800.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	4.822.000	
2	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn	67.238.000	
2.1	Sự nghiệp Tiểu học (072)	22.752.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	7.200.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	15.552.000	
2.2	Sự nghiệp Trung học cơ sở (073)	44.486.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	10.200.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	26.388.000	
	Kinh phí thực hiện hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ)	7.898.000	
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	43.123.000	
	Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương	22.373.000	Do chênh lệch hệ số lương, phụ cấp giữa các biên chế điều động giữa các cơ quan
	Kinh phí tuyên truyền đại hội Đảng lần thứ I, năm 2025	20.750.000	
4	Trường tiểu học Thăng Long	12.168.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	1.800.000	
	Kinh phí thực hiện Nghị định 66/2025/NĐ-CP	10.368.000	

5	Trường THCS Phan Bội Châu	84.199.000	
	Kinh phí thực hiện hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ)	22.975.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	4.200.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	57.024.000	
6	Trường Tiểu học Tô Hiệu	74.208.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	12.000.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	62.208.000	
7	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	144.293.000	
	Kinh phí thực hiện hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ)	42.243.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	1.200.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	100.850.000	
8	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (072)	10.368.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	10.368.000	
9.1	Văn phòng HĐND và UBND phường Đông Gia Nghĩa	35.149.000	
	Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương	35.149.000	Do chênh lệch hệ số lương, phụ cấp giữa các biên chế điều động giữa các cơ quan
10	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp (Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cũ)	79.862.000	
	Kinh phí tham gia Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng lần thứ I năm 2025	20.000.000	
	Kinh phí chi trả cho Hợp đồng lái xe và bảo vệ khu di tích Quốc gia	59.862.000	

11	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đông Gia Nghĩa	27.006.000	
	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo năm 2025	27.006.000	Tạm cấp, chờ UBND tỉnh bổ sung
12	UBMTTQ Việt Nam phường Đông Gia Nghĩa	24.893.000	
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày Đại đoàn kết toàn dân tộc	24.893.000	
	Tổng cộng	612.129.000	